TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 130/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2019.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Điền.

2. Ông Trần Xuân Hậu.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P (Số X -đường L, tổ dân phố Y, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn S, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn B, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 15/02/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*** Chị H và anh Phạm Ngọc T có thời gian quen biết, tìm hiểu nhau khoảng một năm thì tiến hành lễ cưới theo phong tục và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 16/3/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn

do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, xung đột; anh T có tính gia trưởng, nghe lời gia đình bên nội, vợ chồng không tôn trọng nhau. Từ tháng 6/2018 thì chị H và anh T sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng với anh Phạm Ngọc T không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H trình bày vợ chồng có một người con chung là Phạm Nguyễn Nhã Ph, sinh ngày 05/11/2018 hiện đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu giao con chung cho chị chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Phạm Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị H đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn ghi họ và tên vợ Nguyễn Thị H, họ và tên chồng Phạm Ngọc T; bản sao giấy chứng minh nhân dân Nguyễn Thị H; bản sao sổ hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Trần Thị B; bản sao trích lục khai sinh Phạm Nguyễn Nhã Ph.

**** Đối với bị đơn anh Phạm Ngọc T:***

Tòa án nhân dân huyện P đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là anh Phạm Ngọc T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với anh T, nhưng anh T đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành lập biên bản xác minh tại nhà anh Phạm Ngọc T thông qua bà Hồ Thị H (là mẹ đẻ của anh T) thể hiện: Các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp, hòa giải thì gia đình đã nhận và thông báo trực tiếp cho anh T. Do bận công việc nên anh T không đến Tòa án được. Về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T thì gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Ngọc T không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 17/7/2019 và tại phiên tòa hôm nay (26/7/2019) làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp

dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; giải quyết:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Ngọc T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Nguyễn Nhã Ph, sinh ngày 05/11/2018 cho chị Nguyễn Thị H chăm sóc nuôi dưỡng; chị H không yêu cầu anh Phạm Ngọc T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Do nguyên đơn chị Nguyễn Thị H không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: Đối với bị đơn anh Phạm Ngọc T, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa cho người thân thích của anh T. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn vào ngày 16/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa chị H và anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình sống chung giữa chị H và anh T thời gian rất ngắn, nhưng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tôn trọng, tin tưởng nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình; dẫn đến chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay. Nay chị H cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, trong khi anh T không đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T là không thể khắc phục được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Ngọc T có một người con chung tên là Phạm Nguyễn Nhã Ph, sinh ngày 05/11/2018, xét thấy hiện nay cháu Ph đang sống với chị H. Để đảm bảo cho người con chung được phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần thì cần giao cháu Ph cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội

đồng xét xử đã giải thích nhưng chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Ngọc T.

2. Về việc nuôi con: Giao người con chung là Phạm Nguyễn Nhã Ph, sinh ngày 05/11/2018 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi. Anh Phạm Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/006466, ngày 01/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Phạm Ngọc T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Đương sự;
- UBND xã V, huyện P, tỉnh TT-Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú